

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài Luận án

Hải Phòng là thành phố (TP) có nhiều tiềm lực để phát triển kinh tế, có nhiều nguồn thu để tạo nguồn ổn định và bền vững cho ngân sách (NS) của TP và ngân sách trung ương (NSTW), đặc biệt là nguồn thu từ cảng biển. Sự phát triển của Hải Phòng được đánh giá là chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chậm phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) của TP là do hiệu lực, hiệu quả thu-chi NSĐP chưa cao, công tác quản lý nhà nước (QLNN) của chính quyền TP Hải Phòng đối với thu-chi ngân sách địa phương (NSĐP) còn một số hạn chế, như: các nguồn thu chưa được tạo lập đầy đủ, kịp thời vào NS, còn để xảy ra tình trạng nợ đọng, trốn thuế, thất thoát thu NS; cơ cấu chi NS của TP chưa hợp lý,...Chính vì vậy, việc nghiên cứu QLNN đối với thu-chi NS của TP có ý nghĩa cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Theo tác giả được biết, cho đến thời điểm hiện tại chưa có một công trình nào nghiên cứu về đề tài “Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng”.

Từ những lý do nêu trên, tác giả lựa chọn vấn đề “Hoàn thiện QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng” làm đề tài luận án tiến sĩ, thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế.

2. Mục đích, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu đề tài Luận án

Mục đích nghiên cứu: cung cấp một số luận cứ khoa học và đề xuất các giải pháp chủ yếu để TP Hải Phòng hoàn thiện công tác QLNN đối với thu-chi NSĐP, nâng cao hiệu quả thu-chi NS của TP, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của TP một cách hiệu quả, bền vững. **Ý nghĩa lý luận:** Hệ thống hóa và làm sáng tỏ một số vấn đề

cơ sở lý luận về NSNN, NSDP và QLNN đối với thu-chi NSDP. **Ý nghĩa thực tiễn:** trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm QLNN đối với thu-chi NSDP của một số tỉnh, TP để rút ra bài học cho TP Hải Phòng; phân tích một số hạn chế trong QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng, chỉ rõ những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế đó; đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với thu-chi NS ở ĐP này.

3. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương: **Chương 1.** Tổng quan các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương. **Chương 2.** Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương. **Chương 3.** Thực trạng quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng. **Chương 4.** Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THU-CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài liên quan đến quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

1.1.1.1. Các nghiên cứu về tài chính công và quản lý tài chính công

Otto Eckstein (1989), *Public finance, foundation of Modern economices Series (Tài chính công, nền tảng của loạt kinh tế hiện*

đại). Trốn thuế được xem như một trong những hiện tượng phải được kiểm soát đối với bất kỳ chính phủ nào. Trốn thuế tỷ lệ thuận với sự lỏng lẻo trong quản lý TCC và nguyên nhân gốc rễ của nó là sự sơ hở của luật pháp. Việc chống thất thoát thuế phải bắt đầu bằng việc hoàn thiện luật pháp về quản lý TCC.

Wolfgang Streeck and Daniel Mertens (2011), *Fiscal austerity and Public Investment (Tài chính thắt chặt và đầu tư công)*, MPIFG Discussion Paper, Max Planck Institute for the Study of Societies, Germany. Thông qua phân tích thống kê và điều tra xã hội học ông đã đưa ra nhận định quan trọng về việc quản lý đầu tư công và nhấn mạnh việc công khai minh bạch trong các quyết định đầu tư công của các cơ quan QLNN.

1.1.1.2. Các nghiên cứu về thu-chi ngân sách nhà nước và quản lý thu-chi ngân sách nhà nước

Viêng Thoong Sĩ Phăn Đon (2011) đã bảo vệ Luận án Tiến sĩ kinh tế, tại Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh với đề tài “*Quản lý thu NSNN ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”. Luận án đã hệ thống hóa, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thu NSNN trong nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở chỉ rõ nguyên nhân của các hạn chế trong quản lý thu NSNN ở Lào, Luận án đã đề xuất 5 định hướng và 4 nhóm giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý thu NSNN ở Lào trong thời gian tới. Tuy nhiên, luận án chưa phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu NSNN và chưa đưa ra được các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý thu NS.

Michael Spackman (2002), *Multi-year perspective in Budgeting and public investment planning (quan điểm dài hạn trong lập kế hoạch ngân sách và đầu tư công)*, OECD, Paris, April 2002.

Học giả này cho rằng, khi có quá nhiều mục tiêu thì việc lập kế hoạch NS và kế hoạch đầu tư công sẽ khó khăn và cũng không thể đem lại hiệu quả cao. Vì thế, trong một thời gian nhất định chỉ nên tập trung vốn NSNN cho một số mục tiêu quan trọng hơn.

1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố ở trong nước liên quan đến quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

1.1.2.1. Các nghiên cứu chung về ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước

Phạm Ngọc Dũng và Hoàng Thị Thúy Nguyệt (2008) chủ biên cuốn sách *Quản lý NSNN theo kết quả đầu ra và khả năng ứng dụng ở Việt Nam*, NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội. Cuốn sách đã phân tích ý nghĩa và sự cần thiết phải chuyển phương thức quản lý NS theo đầu vào sang phương thức quản lý NS theo đầu ra; đánh giá thực trạng quản lý NSNN hướng theo kết quả đầu ra ở Việt Nam và đưa ra một số giải pháp có thể áp dụng quản lý NSNN theo kết quả đầu ra ở Việt Nam;...

Luận án của Nguyễn Thị Thùy Dương (2011), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân “*Quản lý thuế ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*” đã đánh giá định lượng về quản lý thuế ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế bằng mô hình cân bằng tổng thể GTAP và thông qua điều tra khảo sát. Tuy nhiên, vì đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án là quản lý thuế ở Việt Nam nên công trình của Nguyễn Thị Thùy Dương không nghiên cứu quản lý thuế cho một ĐP cụ thể.

1.1.2.2. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

Trong Luận án Tiến sĩ kinh tế “*Đổi mới quản lý ngân sách địa phương các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng*”, Trần Quốc Vinh (2009) đã hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về quản lý NSDP. Luận án đã khẳng định quản lý NSDP phải được thực hiện ở tất cả các khâu của chu trình NS.

Trịnh Thị Thúy Hồng (2012), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân với Luận án Tiến sĩ kinh tế “*Quản lý chi NSNN trong đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Định*” đã luận giải được sự cần thiết quản lý chi NSNN trong đầu tư XDCB. Nội dung quản lý chi NSNN được luận án tiếp cận theo chu trình NS. Luận án đã đề xuất được 7 giải pháp lớn nhằm tăng cường quản lý NSNN trong đầu tư XDCB trên địa bàn tỉnh Bình Định.

1.1.2.3. Các nghiên cứu về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nguyễn Thị Thanh Nhân (2012), Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, đã hoàn thành Luận án Tiến sĩ kinh tế “*Quản lý đầu tư phát triển từ NSNN trên địa bàn thành phố Hải Phòng*”. Luận án đã luận giải được cơ sở lý luận của quản lý ĐTPT từ NSNN. ĐTPT từ NSNN của một số quốc gia và một số ĐP trong nước. Do xuất phát từ đối tượng, phạm vi nghiên cứu và cách tiếp cận nên luận án đã không nghiên cứu cụ thể công tác quản lý chi đầu tư XDCB, không tiếp cận QLNN theo chu trình quản lý NS và luận án chỉ đánh giá thực trạng quản lý ĐTPT từ NSNN trên địa bàn TP Hải Phòng từ năm 2000 đến năm 2010.

1.1.3. Những vấn đề thuộc đề tài Luận án chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết

Một số lý luận có liên quan đến QLNN đối với thu, chi NSDP chưa được làm rõ, chẳng hạn bản chất, nội dung, các tiêu chí đánh

giá hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với thu, chi NSDP,...; Một số chỉ tiêu đánh giá mục tiêu quản lý NS chưa được đề xuất chẳng hạn tỷ lệ giảm thất thu NS, tỷ lệ tiết giảm chi, tỷ lệ nợ thuế/tổng thu NS, ...; Chưa có một công trình nào nghiên cứu về QLNN đối với thu NSDP của TP Hải Phòng; chi thường xuyên; chi đầu tư XD CB; chi khác của TP Hải Phòng.

1.1.4. Những vấn đề trọng tâm Luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết

(i) Làm rõ về bản chất, nội dung QLNN đối với thu-chi NSDP; (ii) Các yếu tố ảnh hưởng tới thu-chi NSDP và QLNN đối với thu-chi NSDP; (iii) Phân tích và đánh giá hiện trạng QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng giai đoạn 2011-2015; (iv) Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng.

1.2. Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của Luận án

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu đề tài Luận án và câu hỏi nghiên cứu

1.2.1.1. Mục tiêu nghiên cứu đề tài Luận án

a. Mục tiêu tổng quát: Luận giải rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng.

b. Mục tiêu cụ thể: (1) Xây dựng cơ sở lý luận về QLNN đối với thu-chi NSDP để vận dụng vào nghiên cứu vấn đề này ở Hải Phòng; (2) Đánh giá hiện trạng QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng để xác định mặt được, mặt chưa được và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém. (3) Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng.

1.2.1.2. Các câu hỏi nghiên cứu chủ yếu

Khung lý thuyết nào cho việc phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện QLNN đối với thu-chi

NS của TP Hải Phòng? QLNN đối với thu-chi NSĐP có bản chất, nội dung cụ thể như thế nào? Những nhân tố chủ yếu nào ảnh hưởng đến QLNN đối với thu-chi NSĐP? Thực trạng QLNN đối với thu-chi NS của TP Hải Phòng đang có những hạn chế, bất cập gì nguyên nhân do đâu?....

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu và giới hạn phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án: QLNN đối với thu-chi NSĐP. **Phạm vi nghiên cứu:** *Thời gian nghiên cứu:* thực trạng của vấn đề sẽ được nghiên cứu cho giai đoạn 2011-2015 và dự báo tới năm 2025. *Về mặt không gian:* địa bàn TP Hải Phòng. *Nội dung nghiên cứu:* Nghiên cứu cả mặt lý luận và thực tiễn về QLNN đối với thu-chi NSĐP. Về thu NS của TP, luận án tập trung nghiên cứu QLNN đối với thu thuế; về chi NS của TP, luận án tập trung nghiên cứu QLNN đối với chi ĐTXDCB và chi thường xuyên. Luận án nghiên cứu bộ máy quản lý thu-chi NSĐP là các cơ quan QLNN tại địa phương, không nghiên cứu công tác quản lý của các cơ quan trung ương.

1.2.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.2.3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu đề tài Luận án

Đi từ lý thuyết đến thực tiễn; Tiếp cận QLNN theo địa bàn lãnh thổ; Tiếp cận theo nội dung QLNN.

1.2.3.2. Các phương pháp thu thập, xử lý thông tin, tư liệu

Phương pháp chuyên gia; phương pháp điều tra, khảo sát; phương pháp thu thập số liệu thứ cấp.

1.2.3.3. Các phương pháp nghiên cứu đề tài Luận án

Phương pháp phân tích hệ thống; Phương pháp phân tích thống kê; Phương pháp so sánh; Phương pháp phân tích chính sách.

1.2.3.4. Mô hình nghiên cứu tổng quát Luận án

Trên cơ sở xác định mục đích và mục tiêu nghiên cứu đề tài luận án, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu tổng quát.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THU-CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

2.1. Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

2.1.1. Ngân sách nhà nước và thu – chi ngân sách địa phương

2.1.1.1. Khái niệm, hệ thống và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

a). Khái niệm NSNN

Luật NSNN năm 2015 đã đưa ra định nghĩa về NSNN như sau: *NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được DT và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.*

b). Hệ thống NSNN: Hệ thống NSNN là tổng thể NS của các cấp chính quyền nhà nước.

c). Phân cấp quản lý NSNN

Phân cấp quản lý NSNN là việc xác định phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền Nhà nước từ trung ương tới các ĐP trong việc quản lý NSNN.

2.1.1.2. Khái niệm, vai trò và thu-chi ngân sách địa phương

a). Khái niệm NSĐP: *NSĐP là các khoản thu NSNN phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ NSTW cho NSĐP và các khoản chi NSNN thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương [60]*

b). Vai trò của NSDP: *Duy trì sự tồn tại và hoạt động của bộ máy chính quyền ĐP; Đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền ĐP; Tác động tới sự ổn định và phát triển bền vững của tài chính quốc gia.*

c). Thu-chi NSDP

c1). Thu NSDP

Các quốc gia đều có quy định cụ thể về phân cấp nguồn thu giữa trung ương và ĐP. *Thu NSDP có những đặc điểm cơ bản sau: Thứ nhất*, thu NSDP thể hiện quyền lực chính trị của các cơ quan nhà nước tại ĐP; *Thứ hai*, thu NSDP gắn chặt với thực trạng kinh tế của ĐP.

Các nhân tố ảnh hưởng tới thu NSDP: chính sách pháp luật về thu và phân cấp quản lý thu NS; tỷ suất lợi nhuận; ...

c2). Chi NSDP

Chi NSDP là việc phân bổ và sử dụng quỹ NSDP để thực hiện các nhiệm vụ của các cấp ĐP nhằm đạt các mục tiêu đã định.

Chi NSDP có những đặc điểm sau: Chi NSDP gắn với bộ máy các cơ quan nhà nước tại ĐP và những nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội mà chính quyền ĐP đảm đương trong từng thời kỳ; phần lớn các khoản chi NSDP là những khoản chi không hoàn trả trực tiếp; hiệu quả chi NSDP được xem xét trong phạm vi một ĐP.

Các nhân tố ảnh hưởng tới chi NSDP: Pháp luật về chi NS; khả năng thu; nhiệm vụ mà chính quyền ĐP phải thực hiện; kiểm tra, giám sát và chế tài xử phạt.

d) Môi quan hệ giữa thu và chi NSDP: Thu và chi NSDP có mối quan hệ khăng khít với nhau và là mối quan hệ biện chứng.

2.1.2. Quản lý nhà nước đối với thu- chi ngân sách địa phương

2.1.2.1. Quan niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý nhà nước đối với thu- chi ngân sách địa phương

a). Quan niệm QLNN đối với thu- chi ngân NSĐP: *QLNN đối với thu-chi NSĐP là việc ban hành các văn bản pháp luật (chính sách, chế độ về thu-chi NSĐP), tổ chức quá trình thu-chi và kiểm tra, giám sát quá trình thu, chi NS đó của các cơ quan QLNN ở ĐP nhằm đạt được các mục tiêu đã định.*

b). Mục tiêu QLNN đối với thu-chi NSĐP: **Mục tiêu chung:** Quản lý nhằm đảm bảo các hoạt động thu-chi NSĐP có hiệu lực và hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế-xã hội tại ĐP, tăng cường sức mạnh tài chính quốc gia. **Mục tiêu cụ thể:** (i) đảm bảo kỷ luật tài khóa; (ii) đạt mục tiêu hiệu quả phân bổ; (iii) đạt được hiệu quả hoạt động thu-chi NSĐP; (iv) ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về chế độ thu-chi NS; ...

c). Nguyên tắc QLNN đối với thu- chi NSĐP: Nguyên tắc thống nhất; nguyên tắc công khai, minh bạch; tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; đảm bảo cân đối NSĐP.

2.1.2.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với thu- chi ngân sách địa phương

Ban hành các văn bản pháp luật về thu-chi NSĐP; tổ chức thực thi quá trình thu-chi NSĐP và kiểm tra, giám sát quá trình thu-chi NSĐP

2.1.2.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

a). Các nhân tố thuộc về chủ thể quản lý: năng lực quản lý của người lãnh đạo, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý và đạo đức công vụ; tổ chức bộ máy nhà nước quản lý NSĐP; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và

các đơn vị trong công tác quản lý, điều hành thu-chi NSDP; công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình.

b). Các nhân tố thuộc về khách thể quản lý (đối tượng quản lý): Các đối tượng quản lý có ý thức tuân thủ pháp luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý.

c). Các nhân tố thuộc về môi trường quản lý: Hệ thống các văn bản pháp luật; phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; thông tin và công nghệ thông tin; chế tài xử phạt, lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể.

2.1.2.4. Bộ máy quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

Các cơ quan QLNN đối với thu-chi NS ở ĐP gồm: HĐND các cấp; UBND các cấp; Sở Tài chính và các Phòng Tài chính; Cục Thuế và các Chi cục Thuế; Sở Kế hoạch và Đầu tư; KBNN cấp tỉnh, cấp huyện.

2.1.2.5. Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

a). Về công cụ quản lý: Đó là pháp luật; các chính sách kinh tế, tài chính; kiểm tra, thanh tra, giám sát;...

b). Về phương pháp quản lý: phương pháp quản lý như phương pháp tổ chức, phương pháp hành chính, phương pháp kinh tế, phương pháp thuyết phục.

2.2. Kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của một số địa phương

2.2.1. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, tranh thủ các nguồn vốn ngoài NS để đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của TP. Đối với quản lý thu thuế, TP đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc

tuân thủ pháp luật thuế đến người nộp thuế nhằm nâng cao nhận thức cho người nộp thuế trong việc kê khai, nộp thuế; TP thực hiện cơ chế giao tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các cơ quan hành chính, giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập. TP ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng.

2.2.2. Kinh nghiệm của thành phố Đà Nẵng

Quan điểm của chính quyền Đà Nẵng là để tăng thu NS bền vững thì cần phải đẩy mạnh thu hút đầu tư. Trong công tác lập kế hoạch chi NS, TP luôn ưu tiên bố trí tập trung NS cho chi ĐTPT. Hàng năm, Đà Nẵng ưu tiên bố trí nguồn vốn cho các công trình trọng điểm.

2.2.3. Kinh nghiệm chống thất thu thuế của thành phố Bắc Kinh-Trung Quốc

Chính quyền TP Bắc Kinh (Trung Quốc) đã áp dụng một biện pháp khuyến khích người tiêu dùng có động cơ yêu cầu các DN phải cấp hóa đơn khi bán hàng. Người ta đã biến hóa đơn thành vé xổ số. Trên hóa đơn có hai ô nhỏ, một ô để khách hàng cào có thể trúng thưởng từ 100 đến 5.000 nhân dân tệ, một ô với mã số cho phép khách hàng có thể kiểm tra thông qua Internet về việc công ty đưa cho họ hóa đơn có giá trị hay không. Trong một chương trình thử nghiệm, tại một thị trấn nhỏ ở ngoại ô Bắc Kinh đã tăng thuế lên tới 732 ngàn USD trong khi chỉ phải chi ra 17 ngàn USD tiền thưởng.

2.2.4. Bài học kinh nghiệm cho thành phố Hải Phòng

Thứ nhất, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư với nhiều hình thức khác nhau để giảm áp lực vốn NS. *Thứ hai*, phân bổ NS theo hướng tăng tỷ trọng chi ĐTPT và giảm chi thường xuyên. *Thứ ba*, tăng cường thanh tra, kiểm tra, tập trung quyết liệt giải quyết tình

trạng trốn thuế, thất thu thuế ở những ngành, lĩnh vực được coi là trọng tâm, trọng điểm. *Thứ tư*, tuyên truyền phổ biến cho khách hàng về tầm quan trọng của việc lấy hóa đơn và tạo động cơ để khách hàng có nhu cầu lấy hóa đơn khi mua hàng.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THU-CHI NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1. Khái quát tình hình phát triển kinh tế – xã hội của thành phố Hải Phòng

3.1.1. *Tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế của thành phố Hải Phòng*

Chính vị trí địa lý thuận lợi đã tạo điều kiện cho Hải Phòng phát triển kinh tế biển, giao thương thuận lợi với các ĐP trong nước cũng như với các quốc gia trên thế giới. Do có cảng biển, với số chiều dài cầu cảng chiếm 1/4 của cả nước, Hải Phòng được coi là cửa ngõ xuất nhập khẩu qua cảng biển của miền Bắc. Hàng năm, nguồn thu NS từ hải quan, từ cảng biển rất lớn. Hải Phòng là một trong số ít ĐP đi đầu và sớm đón nhận nguồn vốn FDI.

3.1.2. *Cơ cấu kinh tế và đặc điểm của nền kinh tế thành phố Hải Phòng*

Cơ cấu kinh tế TP cơ bản được duy trì đúng hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát huy tiềm năng, lợi thế của TP.

3.2. Kết quả thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

3.2.1. *Kết quả thu ngân sách của thành phố Hải Phòng*

Số thu NSNN trên địa bàn, thu NSĐP có xu hướng tăng lên theo thời gian. Tuy nhiên, số thu NS phân cấp lại cho ĐP khá khiêm tốn. Nguồn thu từ XNK là lợi thế của TP Hải Phòng so với nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước (chiếm tỷ trọng trung bình 69,9% tổng

thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2011-2015). Đây là nguồn thu NSTW hưởng 100%, do đó với số thu từ nội địa thấp sẽ không đáp ứng được nhu cầu phát triển của TP.

3.2.2. Kết quả chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

Trong giai đoạn 2011-2015 chi thường xuyên lớn gấp 2,9 lần so với tổng chi ĐTP. Điều này, trái với xu thế chung là tăng chi tích lũy, giảm chi thường xuyên, cơ cấu chi của TP chưa hợp lý, chưa tạo được động lực cho sự phát triển mạnh mẽ của Hải Phòng.

3.2.3. Cân đối thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

Năm 2014, TP Hải Phòng nhận bổ sung cân đối của NSTW với số tiền 890.752 triệu đồng và năm 2015 nhận bổ sung cân đối 336.437 triệu đồng. Thực tế, từ nhiều năm nay, nguồn thu của Hải Phòng chưa đáp ứng đủ cho các nhiệm vụ chi, nhưng TP vẫn phải thực hiện điều tiết một phần nguồn thu nội địa về NSTW.

3.3. Thực trạng quản lý nhà nước đối với thu – chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

3.3.1. Ban hành các văn bản pháp luật về thu-chi ngân sách địa phương của chính quyền thành phố Hải Phòng

a). HĐND TP Hải Phòng

HĐND được trao quyền quyết định một số khoản thu phí, lệ phí để tạo nguồn thu cho ĐP. Để làm căn cứ quản lý, điều hành chi NS của TP, HĐND đã ban hành Nghị quyết về định mức phân bổ DT chi thường xuyên NSDP; Nghị quyết về DT và phân bổ dự toán NS TP; Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán NS hàng năm;...

b). UBND TP Hải Phòng

UBND TP đã cụ thể hóa các quy định thông qua các Quyết định, Chi thị. Hàng năm, UBND TP đều ban hành Chi thị về việc xây dựng KH phát triển KT-XH và DT NSNN hàng năm; Quyết định về

việc giao DT thu, chi NSNN cho các cấp, các ngành, các đơn vị; Quyết định về việc công bố công khai số liệu quyết toán NS hàng năm.

c). Sở Tài chính

Trình UBND TP ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý lĩnh vực tài chính ở ĐP theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ;... Sở Tài chính ban hành hướng dẫn xây dựng DT NSNN hàng năm; hướng dẫn thực hiện DT NS hàng năm; khóa sổ, quyết toán NS.

d). Các cơ quan chức năng khác (Thuế, KBNN)

Các cơ quan này đều ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai các quy định theo ngành dọc cho các đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan; các cơ quan có các công văn, hướng dẫn liên ngành để phối hợp trong quá trình thực thi tổ chức thu NS.

3.3.2. Tổ chức quá trình thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

3.3.2.1. Lập dự toán thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

Công tác lập, phân bổ và giao DT cơ bản tuân thủ theo Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. HĐND đã thực hiện công khai và quyết định DT NSDP, phân bổ NS cấp tỉnh trước ngày 10/12 hàng năm theo đúng quy định của Luật NSNN. Trong DT chi thường xuyên TP đã đảm bảo bố trí kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học, công nghệ không thấp hơn mức DT chi Thủ tướng Chính Phủ đã giao.

Giai đoạn 2011-2015 UBND TP đã phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm theo đúng DT Trung ương và HĐND TP giao. Tuy nhiên, bố trí vốn ĐTXDCB còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu

tư của TP; TP còn phân bổ vốn cho dự án không thuộc nhiệm vụ chi của NSDP; phân bổ vốn quá thời gian quy định.

3.3.2.2. Tổ chức thực hiện dự toán thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

a). Tổ chức thực hiện dự toán thu NS của TP Hải Phòng

Căn cứ vào DT thu được giao, các cơ quan thu đã lập kế hoạch thu theo quý, theo tháng và có sự phối kết hợp giữa các cơ quan thu theo đúng quy định.

b). Tổ chức thực hiện dự toán chi NS của TP Hải Phòng

Trong công tác tổ chức, điều hành chi NS trên địa bàn TP còn dễ xảy ra tình trạng quyết định đầu tư vượt quá khả năng về vốn, đầu tư dàn trải, dẫn đến nợ XDCB kéo dài nhiều năm.

3.3.2.3. Quyết toán thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

Một trong những thành công trong công tác quản lý thu, chi NS của TP Hải Phòng là cải thiện tính minh bạch trong công tác quyết toán thu, chi NS. Tuy nhiên, công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước của các cấp, các ngành TP còn chậm, ảnh hưởng đến việc quản lý vốn đầu tư, gây nợ đọng kéo dài. Quyết toán vốn đầu tư còn sai và trùng khối lượng, tính toán sai định mức, đơn giá. Các báo cáo quyết toán NS thường chỉ chú trọng tới việc chấp hành DT, chấp hành chính sách, chế độ, định mức chi mà ít quan tâm đánh giá xem những khoản chi đó đã tạo ra được kết quả gì phục vụ cho quá trình phát triển KT-XH của ĐP.

3.3.3. Kiểm tra, giám sát quá trình thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

Công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm vẫn còn ít, chưa đạt được kế hoạch đề ra, chất lượng thanh tra, kiểm tra còn hạn chế. Qua thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư đã phát hiện ra những sai phạm

trong quản lý, qua đó đã chấn chỉnh việc đầu tư dàn trải, không đúng quy định, kéo dài thời gian thi công, công trình kém hiệu quả, những sai phạm trong đấu thầu, thi công, nghiệm thu và quyết toán công trình, đã thu hồi nộp NSNN góp phần tăng thu NS, giảm thất thoát trong chi ĐTXDCB.

3.4. Đánh giá quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

3.4.1. Thành công

Thứ nhất, kinh tế TP Hải phòng duy trì được ổn định và phát triển, GDP tăng trưởng hợp lý. *Thứ hai*, việc ban hành các văn bản về thu-chi NSDP và QLNN đối với thu-chi NSDP của chính quyền TP Hải Phòng đã cụ thể hóa được các quy định của Trung ương, đã đáp ứng được các định hướng, kế hoạch của TP trong quản lý NSDP, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý cũng như đối tượng quản lý có căn cứ để thực thi nhiệm vụ. *Thứ ba*, công tác quản lý, điều hành thu-chi NSDP về cơ bản đã thực hiện theo các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, Luật Đầu tư,..và các văn bản hướng dẫn của Trung ương cũng như ĐP, khai thác các nguồn thu, đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ chi của ĐP. *Thứ tư*, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ quan nhà nước đã được cải thiện. *Thứ năm*, qua công tác thanh tra, kiểm tra đã giảm được tình trạng thất thu NS, tăng thu cho NS, nâng cao hiệu quả phân bổ NS, tăng cường kỷ luật tài khóa.

3.4.2. Hạn chế

Thứ nhất, một số văn bản của TP quy định về định mức chi thường xuyên, chế độ chi tiêu hội nghị, công tác phí không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn cho công tác thực thi nhưng chậm được nghiên cứu sửa đổi. *Thứ hai*, công tác lập, phân bổ và thẩm

định dự toán, quyết toán thu, chi NSĐP còn một số bất cập, cụ thể: công tác lập DT thu vẫn còn mang tính hình thức và cấp dưới phụ thuộc nhiều vào cấp trên; lập DT thu NS của TP Hải Phòng còn tình trạng bỏ sót nguồn thu,..*Thứ ba*, công tác quản lý, điều hành thu NS có sự buông lỏng, vẫn còn tình trạng nợ đọng thuế kéo dài, thủ tục hành chính từ khâu đăng ký kê khai đến khi nộp thuế còn phức tạp. *Thứ tư*, cơ cấu chi NS của TP chưa hợp lý. Thể hiện ở việc bố trí chi ĐTPT còn quá thấp, chi thường xuyên còn ở mức cao. Bố trí vốn đầu tư còn dàn trải. *Thứ năm*, nợ đọng XDCB còn lớn, chưa xử lý nợ đọng XDCB triệt để, để phát sinh nợ đọng sau 31/12/2014. *Thứ sáu*, công tác thanh tra, kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng chưa cao, nhất là đối với cấp huyện và cấp xã. *Thứ bảy*, công khai, minh bạch trong QLNN đối với thu-chi NSĐP còn hạn chế.

3.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, tính lồng ghép của hệ thống ngân sách ở Việt Nam. *Hai là*, do cơ chế, chính sách thu, chi của Trung ương chưa phù hợp. *Ba là*, nợ đọng XDCB của TP vẫn ở mức cao là do các nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Chủ tịch UBND một số quận, huyện, nhất là cấp xã đã quyết định đầu tư nhiều dự án khi chưa xác định được cơ cấu nguồn vốn; (ii) nguồn thu NSĐP của các cấp đều giảm do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới; (iii) thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp-nông thôn;... *Bốn là*, năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy QLNN còn hạn chế, nhất là cấp xã. *Năm là*, cơ chế khen thưởng, xử phạt còn bất cập, tính hiệu lực trong việc thực thi các chế tài còn thấp. *Sáu là*, vai trò giám sát của người dân chưa thực sự được phát huy. *Bảy là*, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các đơn vị

trong công tác quản lý, điều hành thu-chi NSDP chưa thực sự chặt chẽ. *Tám là*, do ý thức một bộ phận người nộp thuế kém.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THU-CHI NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

4.1. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu - chi ngân sách của thành phố Hải Phòng đến năm 2025

4.1.1. Bối cảnh và các yếu tố ảnh hưởng tới thu-chi ngân sách và quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng từ nay đến năm 2025

Trong thời gian tới công tác thu-chi và quản lý nhà nước đối với thu-chi NSDP sẽ hướng chịu tác động bởi chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020) của thành phố; Luật NSNN 2015 được Quốc Hội khóa XIII thông qua có hiệu lực từ năm 2017 đã tạo bước ngoặt mới trong quản lý NSNN nói chung và NSDP nói riêng.

4.1.2. Đổi mới quan điểm và phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu – chi ngân sách của thành phố Hải Phòng đến năm 2025

4.1.2.1. Mục tiêu và quan điểm quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của thành phố Hải Phòng

Mục tiêu cơ bản là khắc phục được những hạn chế còn tồn tại hiện nay, đạt được các mục tiêu của công tác quản lý thu-chi NS, phù hợp với tình hình phát triển KT-XH của ĐP và cả nước trong thời gian tới, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Để đạt được các mục tiêu của công tác quản lý thu-chi NS cần quán triệt các **quan điểm sau**: *Thứ nhất*, thực hiện nghiêm túc Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan đến thu-chi NSNN. *Thứ hai*, quản lý và điều hành thu-chi NS phải tuân thủ DT được giao; đảm bảo tập trung đầy đủ và kịp thời nguồn thu vào NS và chi đúng DT. *Thứ ba*, việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, phân bổ chi NS phải bám sát mục tiêu và định hướng Chiến lược phát triển KT-XH của cả nước và Kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm và 5 năm của TP Hải Phòng. Phân bổ NS bảo đảm không dàn trải, tập trung có trọng điểm, đáp ứng đủ nguồn lực cho các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ được giao. *Thứ tư*, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường giao trách nhiệm quản lý vốn đầu tư công theo đúng phân cấp, phân quyền cho các ĐP; khắc phục tình trạng chi phân tán, dàn trải; loại bỏ cơ chế “xin-cho”. *Thứ năm*, từng bước điều chỉnh cơ cấu chi NSDP theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư XDCB và giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên. Tăng cường các biện pháp huy động vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng KT-XH có khả năng thu hồi vốn. *Thứ sáu*, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu-chi NS.

4.1.2.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách của Thành phố Hải Phòng đến năm 2025

Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của chủ thể quản lý; Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của các công cụ quản lý; Đổi mới phương pháp quản lý; Hoàn thiện nội dung quản lý.

4.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu – chi ngân sách của thành phố Hải Phòng đến năm 2025

4.2.1. Ban hành, sửa đổi, hoàn thiện các quy định của thành phố về thu-chi ngân sách địa phương và quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

Chính quyền TP cần sớm sửa đổi, ban hành và hoàn thiện các quy định như: định mức phân bổ chi thường xuyên, chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, sửa đổi Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn NSNN trên địa bàn TP Hải Phòng; Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cấp, ngành TP trong việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của TP; Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trung hạn do TP quản lý.

4.2.2. Nâng cao chất lượng xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Để nâng cao chất lượng lập DT thu NS (nhất là dự toán thu thuế) cần nâng cao chất lượng dự báo. DT thu cần căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch thu của một số năm liền kề, nhất là khả năng thực hiện dự toán thu của năm báo cáo. DT thu đảm bảo bao quát hết nguồn thu, tránh bỏ sót nguồn thu. Để đảm bảo DT thu có tính khả thi cũng cần hạn chế và tiến tới xóa bỏ chi tiêu giao thu áp đặt từ NS cấp trên đối với NS cấp dưới.

4.2.3. Nâng cao năng lực quản lý của người lãnh đạo, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước

Hoàn thiện QLNN phải lấy con người làm trung tâm, có tính quyết định đến mọi yếu tố để đạt hiệu quả trong quản lý. Vì vậy, hướng hoàn thiện là phải nâng cao kiến thức chuyên môn và trình độ quản lý, phẩm chất chính trị của các chủ thể trong bộ máy quản lý ngân sách.

4.2.4. Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước đối với thu-chi ngân sách địa phương

Công khai, minh bạch là nguyên tắc, là yêu cầu đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý thu-chi NS. Điều đó được quy định cụ thể trong Hiến Pháp và Luật NSNN.

4.2.5. Tăng cường và nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện thu – chi ngân sách địa phương

Thanh tra và kiểm tra nhằm phát huy những nhân tố tích cực; phòng ngừa, phát hiện, xử lý những vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao của các chủ thể, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện tiếp theo để đạt kết quả như mong muốn.

4.2.6. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các đơn vị trong công tác quản lý, điều hành thu-chi ngân sách địa phương

Các cấp, các ngành, các đơn vị cần phải phối hợp trong công tác quản lý và điều hành dự toán thu-chi NS, đảm bảo huy động đầy đủ, kịp thời nguồn thu vào NSNN và NSĐP nhằm đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi.

4.2.7. Có hình thức khen thưởng, vinh danh và xử phạt thỏa đáng; nâng cao hiệu lực của các văn bản pháp luật

4.2.8. Đề cao vai trò giám sát của người dân

Thông qua sự giám sát của người dân sẽ nâng cao trách nhiệm của những người thực thi công vụ. Người dân có thể phát hiện ra những vướng mắc, bất cập từ đó có những đề xuất, sang kiến với chính quyền ĐP.

4.2.9. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các đối tượng quản lý

4.2.10. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngân sách địa phương

4.3. Kiến nghị với cơ quan trung ương

4.3.1. Kiến nghị với Quốc hội

(i) Phân cấp nguồn thu giữa trung ương và ĐP theo hướng để lại nguồn thu nhiều hơn cho ĐP; có cơ chế trích thưởng thỏa đáng để khuyến khích ĐP tăng thu. (ii) Bổ quy định về vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

4.3.2. Kiến nghị với Chính phủ

Tăng mức lương cơ sở đảm bảo cho cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước yên tâm công tác.

4.3.3. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ

Thủ tướng Chính Phủ không ấn định DT chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và sự nghiệp khoa học, công nghệ, mà giao cho HĐND TP, UBND TP chủ động trong điều hành nhiệm vụ chi phù hợp với tình hình thực tế ở ĐP.

4.3.4. Kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn sâu về giám sát, đánh giá đầu tư cho các tỉnh, thành trên cả nước nói chung và TP Hải Phòng nói riêng.

4.3.5. Kiến nghị với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế

Thí điểm thực hiện chống thất thu thuế bằng biện pháp tạo động lực kinh tế cho khách hàng mỗi khi mua hàng, bài học được rút ra từ kinh nghiệm chống thất thu thuế của thành phố Bắc Kinh-Trung Quốc; Sửa đổi chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

KẾT LUẬN

Thu, chi NSDP luôn luôn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội của ĐP, có ảnh hưởng tới tình hình phát triển chung của quốc gia. Chính vì vậy, chính quyền các cấp rất chú trọng tới công tác QLNN đối với thu, chi NSDP. Chính quyền TP Hải Phòng coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thu-chi NS của TP, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế-xã hội một cách hiệu quả, bền vững.

Luận án có những đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật và thực tiễn bao gồm: *Về mặt lý luận và học thuật*, Luận án đã hệ thống hóa, phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về NSNN, NSDP và QLNN đối với thu-chi NSDP. *Về mặt thực tiễn*: Luận án tổng kết kinh nghiệm QLNN đối với thu-chi NSDP của TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng và Bắc Kinh-Trung Quốc; từ đó rút ra 4 bài học là cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các quan điểm và giải pháp QLNN đối với thu-chi NSDP nói chung và TP Hải Phòng nói riêng. Luận án đã phân tích và chỉ ra những hạn chế QLNN đối với thu-chi NSDP của TP Hải Phòng giai đoạn 2011-2015, đồng thời xác định các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế trong việc QLNN đối với thu - chi NS của TP Hải Phòng, đồng thời đề xuất 10 giải pháp để UBND TP Hải Phòng hoàn thiện QLNN đối với thu – chi NSDP.

Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng để hoàn thành luận án, song không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Tác giả luận án mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, nhà khoa học, các chuyên gia và đồng nghiệp để luận án hoàn thiện hơn.